TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/LĐ-PT
Ngày 08-9-2026
V/v "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn;

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Thanh Tùng;

2. Ông Nguyễn Phước Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/TLPT-LĐ ngày 04 tháng 8 năm 2026, về "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động".

Do Bản án sơ thẩm số 19/2026/LĐ-ST ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh, có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2026/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Lệ H, sinh năm 1991; CCCD số 052191019365; cấp ngày 02-12-2022; Địa chỉ: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Trần T, sinh năm 1989; CCCD số 036089022678, cấp ngày 09-9-2022; Địa chỉ: A, Chung cư S, KDC A, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 14-3-2026); có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S; Địa chỉ: C5b, khu X, Lô B, KCN T, xã C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Junichi U, Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn P và các cộng sự (P1); Địa chỉ: Căn A - A, Paris H, số C, đường số A, Phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 28-01-2026).

Người đại diện theo ủy quyền của P1*:* Bà Huỳnh Ngọc Uyên C, sinh năm 2001; CCCD số 079301010311, cấp ngày 11-6-2022; Địa chỉ: Công ty L trách nhiệm hữu hạn P và các cộng sự (P1) - Căn A5.01F – A6.01F, Paris H, số C, đường số A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 28-01-2026); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thu N; là Luật sư của Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn P và các cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; Địa chỉ: Căn A - A, Paris H, số C, đường số A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt

Người kháng cáo: Bà Mai Thị Lệ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Lệ H trình bày:

Ngày 17-5-2025, bà và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (sau đây viết là Công ty S) ký hợp đồng lao động số IBSVF049/HDLD, thời hạn 17 tháng, thời điểm làm việc là ngày 17-5-2025, công việc là nhân viên kỹ thuật, lương cơ bản là 5.074.000 đồng/tháng.

Ngày 24-9-2025, Công ty S thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với bà vì Công ty có nhu cầu giải thể, bà không đồng ý. Sau đó, Công ty S không thỏa thuận nữa mà ra thông báo tổ chức đối thoại với nội dung là Công ty S tổ chức lại cơ cấu và phương án sử dụng lao động, cho thôi việc đối với người lao động dôi dư, trong đó có bà. Ngày 02-12-2025, Công ty S tổ chức đối thoại về nội dung trên, buổi đối thoại có sự tham gia của Tổng Giám đốc, toàn bộ người lao động của Công ty và đại diện của Công đoàn Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh. Kết quả đối thoại không thành, Công ty S vẫn giữ nguyên phương án sử dụng lao động và cho thôi việc đối với bà.

Ngày 23-12-2025, Công ty S ban hành Quyết định số 2312-2025/QĐ-IBSVN-07, về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà, kể từ ngày 04-01-2026. Ngày 09-01-2026, Công ty S đã thanh toán cho bà số tiền 13.074.000 đồng bao gồm: tiền lương của tháng 12/2025; tiền lương của 02 ngày làm việc trong tháng 01/2026 (ngày 01-01-2026 và ngày 02-01-2026); tiền lương tương đương với 6.5 ngày nghỉ hằng năm chưa nghỉ; tiền thưởng tháng lương thứ 13. Hiện tại, Công ty S đã chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà.

Bà cho rằng hợp đồng lao động của bà chưa hết hạn nhưng Công ty lại chấm dứt hợp đồng lao động với bà là sai. Nay bà không còn nhu cầu làm việc tại Công ty.

Tại đơn khởi kiện, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy bỏ Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 2312-2025/QĐ-IBSVN-07 của Công ty S đối với bà H.

Buộc Công ty S bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng là 02 tháng lương, thành tiền là 14.680.000 đồng

Sau đó, bà H khởi kiện bổ sung: Buộc Công ty S thu hồi Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà; Thanh toán tiền lương, trợ cấp, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho những ngày không được làm việc, tính từ ngày 04-01-2026 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty S trình bày: Bà H và Công ty S có ký hợp đồng lao động như bà H trình bày là đúng. Do không đạt hiệu quả mong muốn nên kể từ cuối tháng 10/2025, Công ty S không còn đơn hàng để sản xuất, dẫn đến không còn công việc cho người lao động thuộc bộ phận sản xuất. Sau khi tham vấn ý kiến chuyên môn của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh T, Công ty S tiến hành thay đổi cơ cấu tổ chức, giải thể bộ phận sản xuất, chuẩn bị cho việc chấm dứt hoạt động.

Ngày 19-11-2025, Chủ sở hữu của Công ty S là Công ty S ban hành Quyết định của chủ sở hữu về việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động. Theo Quyết định của chủ sở hữu, Tổng Giám đốc đã ra Quyết định về việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động đối với Công ty S. Công ty S đã gửi bản dự thảo của phương án sử dụng lao động đến Công đoàn cấp trên cơ sở là Công đoàn Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh và toàn bộ 09 người lao động của Công ty S, đồng thời mời tham gia buổi đối thoại tại nơi làm việc vào ngày 21-11-2025, nhằm trao đổi ý kiến về phương án sử dụng lao động và cho thôi việc người lao động vì lý do Công ty S thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động.

Ngày 20-11-2025, bà H và những người lao động khác đề nghị Công ty dời thời gian đối thoại nên buổi đối thoại dời sang ngày 02-12-2025.

Tại buổi đối thoại, với sự tham gia của Tổng Giám đốc, toàn bộ người lao động của Công ty S và đại diện của Công đoàn Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh, Công ty S đã trao đổi, thảo luận, chia sẻ thông tin liên quan đến dự thảo phương án sử dụng lao động và việc Công ty S thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động dẫn đến chấm dứt hợp đồng lao động với những người lao động dôi dư.

Kết thúc buổi đối thoại tại nơi làm việc, Công ty S ban hành Phương án sử dụng lao động số 01-2025/PASDLĐ-IBSVN ngày 02-12-2025. Nội dung của buổi đối thoại và phương án sử dụng lao động ngày 02-12-2025 đã được Công ty S công bố công khai tại nơi làm việc từ ngày 03-12-2025 và giao bản văn cho người lao động, trong đó có bà H.

Ngày 03-12-2025, Công ty S đã gửi Thông báo về việc cho thôi việc số 0112-2025/TB-IBSVN và Phương án sử dụng lao động cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh T. Theo nội dung phản hồi tại văn bản số 2574/BQLKK-DNLĐ ngày 22-12-2025, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh T tiếp nhận hồ sơ, không phản đối, không yêu cầu giải thích thêm vấn đề nào đối với việc Công ty S về việc chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động do thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động, mà chỉ lưu ý Công ty Đ thực hiện quy trình cho thôi việc người lao động và các chế độ cho người lao động theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Công ty S cũng đã tạo điều kiện, giới thiệu việc làm cho người lao động nhưng người lao động không đồng ý, chỉ có 02 trong tổng số 09 người lao động đồng ý phỏng vấn và đã có việc làm.

Đồng thời, ngày 03-12-2025, Công ty S đã thông báo trước cho bà H về việc sẽ chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 04-01-2026.

Ngày 09-01-2026, Công ty đã thanh toán cho bà H đầy đủ quyền lợi của bà H tính đến ngày 04-01-2026. Công ty đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà H đến ngày 31-12-2025 và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà H vào ngày 02-02-2026.

Công ty S cũng đã thực hiện các thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chấm dứt hoạt động theo quy định. Vào ngày 26-01-2026, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh T ban hành văn bản số 312/TB-BQLKKT thông báo chấm dứt hoạt động dự án "Nhà Máy S1" và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty S.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H, Công ty S không đồng ý và đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, vì Công ty S chấm dứt hợp đồng lao động với bà H đúng quy định pháp luật và đã đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho bà H khi chấm dứt hợp đồng lao động như luật định. Bà H làm việc tại Công ty S chưa đủ 12 tháng nên bà H không đủ điều kiện để nhận trợ cấp mất việc làm theo quy định.

Tại phiên toà:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Mai Thị Lệ H là ông Vũ Trần Tiến trình B: Về lời trình bày của bà H trong quá trình giải quyết vụ án cho rằng Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty đối với bà H sai, vì chưa hết thời hạn mà Công ty đã chấm dứt hợp đồng lao động thì ông sửa chữa lại như sau: Công ty S sản xuất gia công hàng hóa chỉ bán cho một khách hàng duy nhất là Công ty S. Từ tháng 10/2025, Công ty S không còn đơn hàng nào để sản xuất là đúng. Từ trước đến nay Công ty S hoạt động có lợi nhuận, không bị thua lỗ nên việc tái cơ cấu là không phù hợp. Bên cạnh đó, việc Công ty S tiến hành tổ chức đối thoại cùng một lúc về cả 02 nội dung gồm phương án sử dụng lao động và cho thôi việc đối với người lao động là không đúng quy định của pháp luật. Lẽ ra, Công ty S phải tổ chức đối thoại riêng về từng nội dung. Hơn nữa, trước khi tiến hành đối thoại thì Công ty S phải lấy ý kiến của người lao động và tổ chức đại diện cho người lao động tại cơ sở. Hình thức và nội dung của buổi đối thoại đều không đúng quy định tại Điều 40 của Nghị định 145/2020/NĐ-CP. Sau khi đối thoại xong thì cùng ngày 02-12-2025 Công ty S đã giao Biên bản đối thoại cho bà H. Ngày 03-12-2025, Công ty S công bố công khai phương án sử dụng lao động. Mặc dù kết quả đối thoại không thành nhưng ngày 03-12-2025 Công ty S vẫn ra Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với bà H nên đây cũng được xem là hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Ngoài ra, quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức của chủ sở hữu Công ty S đã ban hành từ ngày 19-11-2025 nhưng đến ngày 05-02-2026 bà H mới được nhận

là không phù hợp. Từ căn cứ trên cho thấy, việc Công ty S chấm dứt hợp đồng lao động với bà H là đơn phương và trái pháp luật.

Nay, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Công ty S phải thực hiện những nghĩa vụ sau đây với bà H:

Hủy bỏ, thu hồi Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 2312-2025/QĐ-IBSVN-07 ngày 23-12-2025.

Bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 02 tháng lương, tương đương số tiền là 14.680.000 đồng.

Thanh toán tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 21,5% trên tổng lương cho những ngày không được làm việc, tính từ ngày 04-01-2026 cho đến ngày 08-6-2026. Cụ thể: tiền lương là 36.700.795 đồng, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 7.890.671 đồng (Tính theo mức lương thực lãnh là 7.340.159 đồng).

Ông xác định bà H không yêu cầu Công ty S trả trợ cấp và phúc lợi khác trong những ngày không được làm việc theo đơn khởi kiện bổ sung. Hiện tại, bà H có việc làm mới hay chưa thì ông không rõ. Còn các quyền lợi về tiền lương, thưởng, trợ cấp mà bà H được hưởng tính đến ngày 04-01-2026 thì Công ty S đã thực hiện đầy đủ, bà H không tranh chấp về các quyền lợi này.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty S là bà Huỳnh Ngọc Uyên C trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện mà của bà H, bà đại diện Công ty S không đồng ý. Pháp luật lao động không có quy định trước khi tiến hành đối thoại phải tham khảo ý kiến của người lao động nhưng Công ty S cũng đã gửi bản thảo phương án sử dụng lao động cho người lao động biết trước khi tiến hành đối thoại, mục đích là để người lao động hiểu và trao đổi ý kiến tại buổi đối thoại. Tóm lại, về việc xây dựng phương án sử dụng lao động và cho thôi việc đối với lao động dôi dư trong đó có bà H thì Công ty S đã thực hiện đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Luật sư Nguyễn Thu N trình bày: Việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động là quyết định của chủ sở hữu Công ty và là quyền tự quyết định của doanh nghiệp, không buộc phải chứng minh cho người lao động biết về nguyên nhân tái cơ cấu và không phải Công ty hoạt động có lợi nhuận thì không được tái cơ cấu. Thay vào đó, tùy thuộc vào quyết định của chủ sở hữu thì Công ty có quyền cơ cấu tổ chức lại lao động và đáp ứng điều kiện của pháp luật và bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho người lao động. Công ty S không có tổ chức Công đoàn cơ sở và cũng không có quy định nào buộc phải trao đổi trước với tổ chức Công đoàn cơ sở trước khi xây dựng phương án sử dụng lao động, thực hiện tái cơ cấu Công ty. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền lợi cho người lao động thì Công ty S đã mời Công đoàn Khu công nghiệp T tham gia đối thoại để chứng kiến, đóng góp ý kiến và bảo vệ quyền lợi cho người lao động. Người lao động không có quyền quyết định về việc tái cơ cấu tổ chức lao động và phương án sử dụng

lao động vì đây là quyền quản trị của chủ sở hữu Công ty. Người lao động chỉ có quyền có ý kiến về các quyền lợi theo hợp đồng lao động của mình. Hiện tại, Công ty S đã chấm dứt hoạt động đúng theo quy định của pháp luật, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thu hồi giấy phép hoạt động của Công ty và Công ty đã thông báo về việc chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin điện tử Quốc gia. Do đó, quy trình chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty S đối với bà H là đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bản án sơ thẩm dân sự số 19/2026/LĐ-ST ngày 15-6-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử:

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 32, Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Khoản 11 Điều 34, Điều 39, Điều 41, Điều 42, Điều 44, Điều 45, Điều 47, Điều 48, Điều 63, Điều 64 của Bộ luật Lao động năm 2019; Khoản 2 Điều 7, Khoản 1 Điều 74, Khoản 1 Điều 76 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27-6-2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Điều 38, 41, Khoản 4 Điều 114 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14-12-2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động; điểm a Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Lệ H đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S, về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, bao gồm:

Hủy bỏ, thu hồi Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 2312-2025/QĐ-IBSVN-07 ngày 23-12-2025.

Bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 02 tháng lương, tương đương số tiền là 14.680.000 đồng.

Thanh toán tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 21,5% trên tổng lương cho những ngày không được làm việc, tính từ ngày 04-01-2026 cho đến ngày 08-6-2026. Cụ thể: tiền lương là 36.700.795 đồng, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 7.890.671 đồng (Tính theo mức lương thực lãnh là 7.340.159 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02-7-2026, ông Vũ Trần T là người đại diện theo uỷ quyền của bà Mai Thị Lệ H có đơn kháng cáo, yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm, giao về cấp sơ

thẩm giải quyết lại, vì cấp sơ thẩm vi phạm trong đánh giá chứng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị Lệ H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét kháng cáo của bà Mai Thị Lệ H; phù hợp với quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Mai Thị Lệ H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo bà Mai Thị Lệ H cho rằng, ngày 17-5-2025, bà ký hợp đồng lao động số IBSVF049/HDLD với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S với thời hạn 17 tháng. Đến ngày 24-9-2025, Công ty S thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với bà vì Công ty có nhu cầu giải thể, bà không đồng ý. Ngày 23-12-2025, Công ty S ban hành Quyết định số 2312-2025/QĐ-IBSVN-07 chấm dứt hợp đồng lao động với bà, kể từ ngày 04-01-2026 và thanh toán cho bà số tiền 13.074.000 đồng bao gồm: tiền lương của tháng 12/2025; tiền lương của 02 ngày làm việc trong tháng 01/2026 (ngày 01-01-2026 và ngày 02-01-2026); tiền lương tương đương với 6.5 ngày nghỉ hằng năm chưa nghỉ; tiền thưởng tháng lương thứ 13. Hiện tại, Công ty S đã chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà. Bà H cho rằng hợp đồng lao động của bà chưa hết hạn nhưng Công ty lại chấm dứt hợp đồng lao động với bà là sai nên khởi kiện yêu cầu hủy bỏ, thu hồi Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 2312-2025/QĐ-IBSVN-07 ngày 23/12/2025; Bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là 02 tháng lương, tương đương số tiền là 14.680.000 đồng; Thanh toán tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 21,5% trên tổng lương cho những ngày không được làm việc, tính từ ngày 04/01/2026 cho đến ngày 08/6/2026 gồm tiền lương là 36.700.795 đồng, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 7.890.671 đồng (tính theo mức lương thực lãnh là 7.340.159 đồng).

Theo bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S trình bày việc Công ty thay đổi tái cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động theo hướng thu hẹp quy mô sản xuất, tiến đến chấm dứt hoạt động và Công ty đã thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật; bảo đảm đầy đủ quyền lợi cho người lao động

nên ngày 23-12-2025 Công ty đã ban hành Quyết định số 2312-2025/QĐ-IBSVN-07 chấm dứt hợp đồng lao động số IBSVF049/HDLD ngày 17-5-2025 đối với bà Mai Thị Lệ H kể từ ngày 04-01-2026.

Hội đồng xét xử nhận thấy, ngày 26-01-2026, Công ty S đã ra Thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư của Công ty S. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh T đã ban hành Thông báo 312/TB-BQLKKT, thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư của Công ty S, với tên dự án: Nhà máy sản xuất VAN, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có mã doanh nghiệp số 1101820219 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh L (nay là Sở Tài chính tỉnh T) cấp, đăng ký lần đầu ngày 05/5/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 05 vào ngày 30/9/2024, hiệu lực từ ngày 23/01/2016. Nhận thấy, việc Công ty S thu hẹp sản xuất kinh doanh, tiến đến chấm dứt hoạt động, dẫn đến phải thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động là thật; do đó, ngày 23-12-2025 Công ty đã ban hành Quyết định số 2312-2025/QĐ-IBSVN-07 chấm dứt hợp đồng lao động số IBSVF049/HDLD ngày 17-5-2025 đối với bà Mai Thị Lệ H kể từ ngày 04-01-2026 là đúng với quy định tại khoản 11 Điều 34; Điều 42 của Bộ luật Lao động; khoản 2 Điều 7; điểm m khoản 1 Điều 76 Luật Doanh nghiệp; nên việc Công ty S chấm dứt hợp đồng lao động với bà H trong trường hợp này không thuộc trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Lao động năm 2019. Việc Công ty S thực hiện việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động và đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định, cụ thể:

Về thủ tục tổ chức đối thoại: Ngày 02-12-2025, Công ty S tổ chức đối thoại với người lao động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 63; khoản 1 Điều 64 của Bộ luật Lao động; Điều 41 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14-12-2020 của Chính phủ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà H và ông T thừa nhận Công ty S đã gửi văn bản kèm theo nội dung cần tham khảo về nội dung đối thoại là phương án sử dụng lao động và cho thôi việc đối với người lao động dôi dư, có danh sách người lao động cho thôi việc kèm theo, trong đó có bà H. Do đó, Công ty S đã tuân thủ đúng trách nhiệm gửi văn bản kèm theo nội dung cần tham khảo, trao đổi ý kiến đến các thành viên đại diện tham gia đối thoại của bên người lao động theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 của Nghị định 145/2020/NĐ-CP.

Buổi đối thoại có sự tham gia của đại diện Công ty S và người lao động. Về phía Công ty S có sự tham gia của 04 người, trong đó có người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Junichi U – Tổng giám đốc. Về phía người lao động, có sự tham gia của 09/09 người lao động. Do Công ty S không có Công đoàn cơ sở nên Công ty đã mời đại diện của Công đoàn Khu công nghiệp tỉnh Tây Ninh tham gia đối thoại. Như vậy, thành phần tham dự đối thoại đã bảo đảm đúng quy định tại Điều 38, Điều 41 của Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14-12-2020 của Chính phủ; điểm c khoản 2 Điều 63 Bộ luật Lao động.

Về phương án sử dụng lao động: Sau khi tổ chức đối thoại tại nơi làm việc, ngày 02-12-2025, Công ty S đã ban hành Phương án sử dụng lao động số 01 – 2025/PASDLD-IBSVN. Nội dung của phương án sử dụng lao động thể hiện thông tin về số lượng, họ tên người lao động phải chấm dứt hợp đồng sau khi Công ty tổ chức lại lao động; quyền, nghĩa vụ của Công ty S và người lao động; biện pháp và nguồn tài chính bảo đảm thực hiện phương án. Theo phương án sử dụng lao động trên thì bà H cũng là một trong số người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động. Việc xây dựng và thực hiện phương án sử dụng lao động được thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 42, Điều 44 của Bộ luật Lao động. Phương án sử dụng lao động này được gửi đến Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh T và công bố tại Công ty S vào ngày 03-12-2025, trước khi chính thức thực hiện là ngày 04-01-2026. Theo quy định tại Điều 7 Thông tư 17/2023/TT-BLĐTBXH của Bộ L1, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc ủy quyền cho Ban Q thực hiện công việc tiếp nhận thông báo về việc cho thôi việc đối với người lao động của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp theo quy định tại khoản 6 Điều 42 Bộ luật Lao động.

Do đó, đủ cơ sở xác định nội dung và hình thức của phương án sử dụng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 42, Điều 44 Bộ luật Lao động.

Về Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động: Ngày 03-12-2025, Công ty S gửi Thông báo về việc chấm dứt hợp đồng lao động với bà Mai Thị Lệ H là thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 45 của Bộ luật Lao động.

Do đó, Công ty đã bảo đảm đủ thời gian thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh T và bà H là 30 ngày trước khi chấm dứt hợp đồng lao động, theo quy định tại Khoản 6 Điều 42 Bộ luật Lao động.

Ngày 23-12-2025, Công ty S ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 2312-2025/QĐ-IBSVN-07 đối với bà H, vì lý do thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động, kể từ ngày 04-01-2026 là bảo đảm đúng thời gian thông báo trước cho bà H và cơ quan quản lý Nhà nước về lao động về việc chấm dứt hợp đồng lao động.

Việc Công ty S chấm dứt hợp đồng lao động với bà H là đúng quy định tại khoản 11 Điều 34, Điều 42 của Bộ luật Lao động; không phải là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Lao động. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Lệ H là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị Lệ H; không chấp nhận lời trình bày của ông Vũ Trần T là người đại diện theo uỷ quyền của bà H; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Mai Thị Lệ H được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Mai Thị Lệ H;

3. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 19/2026/LĐ-ST ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

4. Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 32; Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Khoản 11 Điều 34, Điều 39, Điều 41, Điều 42, Điều 44, Điều 45, Điều 47, Điều 48, Điều 63, Điều 64 của Bộ luật Lao động năm 2019; Khoản 2 Điều 7; Khoản 1 Điều 74; Khoản 1 Điều 76 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27-6-2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Điều 38, Điều 41, Khoản 4 Điều 114 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14-12-2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động; điểm a Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

4.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Lệ H đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S, về việc tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, về bà H yêu cầu:

Hủy bỏ, thu hồi Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 2312-2025/QĐ-IBSVN-07 ngày 23-12-2025.

Bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là 02 tháng lương, tương đương số tiền là 14.680.000 đồng.

Thanh toán tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 21,5% trên tổng lương cho những ngày không được làm việc, tính từ ngày 04-01-2026 cho đến ngày 08-6-2026. Cụ thể: tiền lương là 36.700.795 đồng, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là 7.890.671 đồng (Tính theo mức lương thực lãnh là 7.340.159 đồng).

4.2. Về án phí sơ thẩm: Bà Mai Thị Lệ H được miễn tạm ứng án phí, án phí.

4.3. Về án phí phúc thẩm: Bà Mai Thị Lệ H được miễn tạm ứng án phí, án phí phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDTC;
- TAND Khu vực 7;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 7;
- Phòng GĐ, KT, TT&THA;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn